

7. Ở đâu chép, “Lời Chúa là ngọn đèn cho chân tôi, ánh sáng cho đường lối tôi”?

Where is it written, “Your word is a lamp to my feet and a light for my path”?

8. Ở đâu chép, “Phàm kẻ nào yêu mến luật pháp Chúa được bình yên lớn; chẳng sự gì gây cho họ sa ngã”?

Where is it written, “Great peace have they who love Your law, and nothing can make them stumble”?

9. Xin liệt kê những điều tác giả Thi thiên 119 ghét?

List all the things that the psalmist hate?

10. Ở đâu chép, “Luật pháp Chúa là sự tôi ưa thích”?

Where is it written, “Your law is my delight”?

11. Câu Thi thiên nào có ý tương tự như Thi thiên 19:10b?

Which verse is similar to Psalm 19:10b?

12. Ở đâu chép, “Tôi yêu mến luật pháp Chúa biết bao! Trọn đời tôi suy gẫm luật pháp ấy”?

Where is it written, “Oh, how I love Your law! I meditate on it all day long”?

Câu gốc tuần trước:

HÀNH TRÌNH XUYÊN KINH THÁNH JOURNEY THROUGH THE BIBLE

#61 (04.08.2019)

Thi Thiên 119:1-88 (Psalm 119:1-88)

Họ-Tên: _____

1. Câu Thi Thiên nào có ý tương tự như Thi Thiên 19:10a?

Which verse is similar to Psalm 19:10a?

2. “Người trẻ tuổi phải làm sao cho đường lối mình được trong sạch”?

“How can a young man keep his way pure”?

3. Lời Chúa được ví sánh giống như gì cho những người ở trọ?

What was God’s word compared to for those who lodged?

4. Ở đâu chép, “Chúa là thiện và hay làm lành”?

Where is it written, “You are good, and what You do is good”?

5. “Mưu sĩ” của tác giả Thi thiên 119 là gì?

What is the “conselor” for the psalmist?

6. Ai đã hứa, “xin chỉ dạy cho tôi con đường luật lệ Chúa, thì tôi sẽ giữ lấy cho đến cuối cùng”?

Who has promised, “Teach me to follow Your decrees, then I will keep them to the end”?

7. Ở đâu chép, “Hỡi Đức Giêhôva, tôi biết rằng sự xét đoán của Ngài là công bình, và ấy là bởi sự thành tín mà Ngài làm cho tôi bị khốn nạn”?

Where is it written, “I know, O LORD that Your laws are righteous, and in faithfulness You have afflicted me”?

8. Điều gì đã giúp tác giả thi thiên 119 “không phạm tội cùng Chúa”?

What has help the psalmist so that he “might not sin against God?”

9. Xin liệt kê 6 từ dùng để miêu tả Kinh thánh trong Thi tihên này?

List 6 words that were used to described the Bible in this psalm?

10. Ở đâu chép, “Lời Chúa làm cho tôi được sống lại”?

Where is it written, “Your promise preserves my life”?

11. Xin liệt kê 6 chi thể mà tác giả thi thiên 119 đã dùng để inh nghiệm lời Chúa?

List 6 body parts that the psalmist used to experienced God’s word?

12. Ở đâu chép, “Xin Chúa mở mắt tôi, để tôi thấy sự lạ lùng trong luật pháp của Chúa”?

Where is it written, “Open my eyes that I may see wonderful things in Your law”?

Câu gốc tuần trước:

HÀNH TRÌNH XUYÊN KINH THÁNH JOURNEY THROUGH THE BIBLE

#62 (11.08.2019)

Thi Thiên 119:89-176 (Psalms 119:89-176)

Họ-Tên: _____

1. Ở đâu chép, “Sự thành tín Chúa còn đời này đến đời kia”?

Where is it written, “Your faithfulness continues through all generations”?

2. Tại sao tác giả Thi thiên 119 dám tự hào rằng ông có trí “hiểu hết thầy kẻ dạy tôi” và “thông hiểu hơn kẻ già cả”?

How can the psalmist boast of having “more insight than all my teachers” and “more understading than the elders”?

3. Tác giả Thi thiên 119 hứa mỗi ngày sẽ ngợi khen Chúa mấy lần?

How many times a day did the psalmist promise to praise God?

4. Xin liệt kê những giác quan mà tác giả Thi thiên 119 đã dùng để kinh nghiệm lời Chúa?

List all the senses that the psalmist used to experienced God’s word?

5. Câu thi thiên nào có ý tương tự như Thi thiên 119:81-82?

Which verse is similar to Psalm 119:81-82?

6. Ở đâu chép, “Lời Chúa rất là tinh sạch, nên kẻ tôi tớ Chúa yêu mến lời ấy”?

Where is it written, “Your promises have been throughout tested, and your servant loves them”?
